| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO**<br>**TẠI HÀ NỘI** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập –Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 13/2021/DS-PT
Ngày: 22/01/2021.
*V/v: "Bồi thường thiệt hại theo Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước"*

# NHÂN DANH
## NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
## TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân;
*Các Thẩm phán*: Ông Ngô Anh Dũng;
Bà Lê Thị Mai.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Hà Lê Giang – Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên toà:*** Bà Trần Thị Minh Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở, Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công Ki vụ án dân sự thụ lý số 246/2020/TLPT-DS ngày 31 tháng 8 năm 2020 về việc: *"Bồi thường thiệt hại theo Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước"* do có kháng cáo của nguyên đơn đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2020/DS-ST ngày 09/7/2020 của Toà án nhân dân tỉnh Z.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 327/2021/QĐXXST- DS ngày 06 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:*** Ông K, sinh năm 1969. Địa chỉ: Thôn K1, xã K2, huyện Y, tỉnh Z, (có mặt).

***Bị đơn:*** Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Z. Địa chỉ: Phố Đ, thị trấn G, huyện Y, tỉnh Z.

Người đại diện: Ông B- Chánh án.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông H- Phó chánh án (có đơn xin xét xử vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án hình sự sơ thẩm số 12/HS-ST ngày 25/4/2003, Tòa án nhân dân huyện Y đã áp dụng khoản 1 Điều 245, điểm h khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự xử phạt "bị cáo K 12 tháng tù về tội gây rối trật tự công cộng; áp dụng khoản

1 Điều 257 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo K 18 tháng tù về tội chống người thi hành công vụ".

Theo bản án hình sự phúc thẩm số 60/HSPT ngày 31/7/2003, Tòa án nhân dân tỉnh Z áp dụng khoản 1 Điều 257 Bộ luật hình sự, Điều 220 Bộ luật tố tụng hình sự đã quyết định: "Giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với bị cáo K về tội "Chống người thi hành công vụ"; xử phạt bị cáo K 18 tháng tù về tội "Chống người thi hành công vụ"; Hủy một phần bản án sơ thẩm về tội danh và hình phạt đối với bị cáo K về tội "Gây rối trật tự công cộng"; Giao hồ sơ vụ án về cho Tòa án nhân dân huyện Y để giải quyết lại vụ án."

Ngày 24/11/2003, Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Z có Quyết định đình chỉ bị can số 01/KSĐT đối với ông K về tội: "Gây rối trật tự công cộng" vì lý do: Hành vi của ông K không cấu thành tội "Gây rối trật tự công cộng".

Ngày 03/6/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Y đã lập biên bản giao Quyết định đình chỉ bị can số 01//KSĐT cho ông K.

**Nguyên đơn - ông K trình bày:** Theo Quyết định khởi tố bị can số 05/QĐKT-VKS, ngày 24/01/2003 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y thì ông bị khởi tố về tội "Gây rối trật tự công cộng". Ngày 03/6/2019, ông được Viện kiểm sát nhân dân huyện Y giao Quyết định đình chỉ điều tra bị can số 01/KSĐT ngày 24/11/2003). Như vậy, từ ngày khởi tố bị can đến ngày ông được nhận Quyết định đình chỉ bị can là: 5970 ngày.

Ngày 21/6/2019, ông đã gửi đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Y phải bồi thường cho ông số tiền là 34.385.800đ do ông đã bị thiệt hại về tinh thần khi ông phải mang thân phận bị can trong 5970 ngày.

Ngày 05/8/2019, tại UBND xã K2, Tòa án nhân dân huyện Y và ông đã tổ chức thương lượng lần thứ nhất và ngày 16/8/2019, hai bên đã tổ chức thương lượng lần thứ hai. Tòa án nhân dân huyện Y đã không đồng ý bồi thường cho ông. Ông K cho rằng Tòa án đã căn cứ vào Nghị quyết số 388/2003/NQ-UBTVQH11 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 17/3/2003 và Luật trách nhiệm bồi thường của nhà nước năm 2009 là những văn bản đều đã hết hiệu lực thi hành trước ngày ông nhận được Quyết định đình chỉ điều tra bị can là không đúng. Theo Luật trách nhiệm bồi thường của nhà nước năm 2017 (có hiệu lực pháp luật từ ngày 03/6/2019) thì yêu cầu bồi thường của ông là có căn cứ và phải được chấp nhận.

**Bị đơn - Tòa án nhân dân huyện Y** không đồng ý bồi thường cho ông K vì đối chiếu với các quy định của pháp luật thì ông K thuộc trường hợp không được bồi thường thiệt hại. Đề nghị không chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại của ông K.

Tại bản án sơ thẩm, Tòa án nhân dân tỉnh Z quyết định:

Áp dụng khoản 6, Điều 26, điểm a, khoản 1, Điều 35; khoản 2, Điều 37; khoản 1, Điều 227; Điều 271, Điều 273 BLTTDS; khoản 6, Điều 18 của Luật trách nhiệm bồi thường của nhà nước số 10/2017/QH14 ngày 20/6/2017; các Điều 584, 592 của BLDS; Điểm đ, khoản 1, Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và lệ phí xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông K về việc đề nghị Tòa án nhân dân huyện Y phải bồi thường thiệt hại về tinh thần cho ông K số tiền là: 808.660.380đ (tám trăm linh tám triệu, sáu trăm sáu mươi nghìn, ba trăm tám mươi đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 14/7/2020 ông K làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Toà án sơ thẩm đã áp dụng các văn bản đã hết hiệu lực pháp luật cho cả thời gian thiệt hại hiện tại là không đúng, đề nghị huỷ bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, ông K giữ nguyên nội dung kháng cáo, ông cho rằng hiện tại ông đang khiếu nại bản án hình sự phúc thẩm số 60/HSPT ngày 31/7/2003 của Toà án nhân dân tỉnh Z và xuất trình tài liệu trả lời đơn của Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện VKSND cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm: Về tố tụng, bị đơn vắng mặt tại phiên toà nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên việc xét xử đảm bảo quy định tại Điều 296 BLTTDS.

Về nội dung: Không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông K về việc yêu cầu Tòa án huyện Y bồi thường tổn thất tinh thần cho ông số tiền là 808.886.638 đồng trong thời gian 5.970 ngày, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông K, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tại phiên toà phúc thẩm, bị đơn có văn bản để nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 296 BLTTDS để xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1] Sau khi có kháng cáo của ông K đối với bản án hình sự sơ thẩm số 12/HS-ST ngày 25/4/2003 của Tòa án nhân dân huyện Y, tại bản án số 60/HSPT ngày 31/7/2003, Tòa án nhân dân tỉnh Z đã xử hủy một phần bản án sơ thẩm về

tội danh và hình phạt về tội "Gây rối trật tự công cộng"; tuy nhiên ông K vẫn bị xử phạt 18 tháng tù về tội "Chống người thi hành công vụ".

Ngày 24/11/2003, Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Z ban hành Quyết định đình chỉ bị can số 01/KSĐT đối với ông K về tội: "Gây rối trật tự công cộng" vì lý do: Hành vi của ông K không cấu thành tội "Gây rối trật tự công cộng".

Như vậy, bản án hình sự phúc thẩm số 60/HSPT ngày 31/7/2003 của Tòa án nhân dân tỉnh Z có hiệu lực pháp luật; ngày 03/11/2003, Tòa án nhân dân huyện Y đã có Quyết định thi hành án số 06/THA và Quyết định thi hành án phạt tù số 06/TH đối với ông K (bị phạt 18 tháng tù về tội "Chống người thi hành công vụ", thời hạn tù tính từ ngày 11/12/2003). Trước khi xét xử ông K không bị tạm giữ, tạm giam, chỉ bị chấp hành hình phạt tù trong thời gian là 18 tháng.

Ông K đã khiếu nại bản án hình sự số 60/HSPT ngày 31/7/2003 của Tòa án nhân dân tỉnh Z theo thủ tục Giám đốc thẩm. Tại Thông báo số 134/TB - TANDCC- GĐKT I ngày 31/7/2019, Toà án nhân dân cấp cao tại HN đã trả lời ông K, có nội dung như sau: "Toà án cấp phúc thẩm đã xem xét, đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội của anh gây ra, xử phạt anh 18 tháng tù về tội "Chống người công vụ" là có căn cứ, đúng pháp luật".

[2.2] Theo quy định tại khoản 6, Điều 18 của Luật số 10/2017/QH14 ngày 20/6/2017 quy định về phạm vi trách bồi thường của Nhà nước trong hoạt động tố tụng hình sự (có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2018*): "Người bị khởi tố, truy tố, xét xử về nhiều tội trong cùng một vụ án, đã chấp hành hình phạt tù mà sau đó có bản án, quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự xác định người đó không phạm một hoặc một số tội và hình phạt chung sau khi tổng hợp hình phạt của những tội còn lại ít hơn thời gian đã bị tạm giam, chấp hành hình phạt tù thì được bồi thường thiệt hại tương ứng với thời gian đã bị tạm giam, chấp hành hình phạt tù vượt quá so với mức hình phạt của những tội mà người đó phải chấp hành* .

Đối chiếu quy định trên thì tổng thời gian tạm giam và thi hành trong vụ án của ông K không vượt quá mức hình phạt 18 tháng tù về tội "Chống người thi hành công vụ" mà ông K phải chấp hành nên trường hợp của ông K không được bồi thường thiệt hại. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông K là có căn cứ.

[2.3] Việc ông K cho rằng đang tiếp tục khiếu nại Bản án hình sự phúc thẩm số 60/HSPT ngày 31/7/2003 của Tòa án nhân dân tỉnh Z nhưng bản án (số 60/HSPT ngày 31/7/2003) nói trên đã có hiệu lực thi hành; Toà án nhân dân cấp cao tại HN đã trả lời khiếu nại của ông tại Thông báo số 134/TB -TANDCC-GĐKT I ngày 31/7/2019, nên yêu cầu hủy bản án sơ thẩm để chờ kết quả giải quyết đơn khiếu nại theo thủ tục Giám đốc thẩm là không có căn cứ.

Từ phân tích trên cho thấy, kháng cáo của ông K là không có cơ sở chấp nhận, cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Theo điểm d, khoản 1, Điều 12, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội thì ông K được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông K, giữ nguyên quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2020/DS-ST ngày 09 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Z.

2. Về án phí phúc thẩm: Miễn án phí phúc thẩm cho ông K.

3. Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Z;
- VKSND tỉnh Z;
- Cục THADS tỉnh Z;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: P.HCTP-VP; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thanh Xuân**

**CÁC THẨM PHÁN** **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Ngô Anh Dũng** **Lê Thị Mai** **Nguyễn Thị Thanh Xuân**